# DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN - KHÓA 2022

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ksor H' Ă | Ă | 05/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 2 | Lê Văn Ái | Ái | 06/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 3 | Kiều Phước Thiện An | An | 18/10/2004 | Nam | DƯỢC |
| 4 | Nghiêm Thanh Nam An | An | 20/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 5 | Nguyễn Phước An | An | 28/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 6 | Nguyễn Thành An | An | 20/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 7 | Phạm Phi An | An | 05/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 8 | Rah Lan H' An | An | 24/01/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 9 | Võ Thủy An | An | 30/09/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 10 | Võ Thủy An | An | 30/09/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 11 | Nguyễn Phan Phương Ân | Ân | 24/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 12 | Bùi Lê Anh | Anh | 10/01/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 13 | Huỳnh Trâm Anh | Anh | 07/08/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 14 | Mai Thị Lan Anh | Anh | 29/07/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 15 | Nguyễn Đức Nhật Anh | Anh | 19/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 16 | Nguyễn Hồng Anh | Anh | 01/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 17 | Nguyễn Ngọc Anh | Anh | 16/03/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 18 | Nguyễn Thị Mai Anh | Anh | 03/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 19 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | Anh | 11/11/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 20 | Nguyễn Tuấn Anh | Anh | 10/07/2001 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 21 | Phạm Hải Tâm Anh | Anh | 31/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 22 | Phạm Thế Anh | Anh | 10/07/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 23 | Phạm Thị Anh | Anh | 20/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 24 | Phan Thị Mai Anh | Anh | 15/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 25 | Thái Minh Anh | Anh | 20/10/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 26 | Vũ Tiến Anh | Anh | 04/09/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 27 | Đào Thị Ngọc Ánh | Ánh | 19/12/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 28 | Phan Thị Ngọc Ánh | Ánh | 16/02/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 29 | H Điết Ayun | Ayun | 16/10/2003 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 30 | Phạm Xuân Bắc | Bắc | 17/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 31 | Trần Xuân Bắc | Bắc | 17/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 32 | Võ Công Bắc | Bắc | 14/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 33 | Phan Anh Bài | Bài | 16/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 34 | Dương Công Bảo | Bảo | 19/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 35 | Nguyễn Hoài Bảo | Bảo | 20/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 36 | Nguyễn Thị Bảo | Bảo | 02/08/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 37 | Nguyễn Thị Bảo | Bảo | 02/08/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 38 | Trần Ngọc Duy Bảo | Bảo | 09/02/2004 | Nam | DƯỢC |
| 39 | Vi Ngọc Quốc Bảo | Bảo | | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 40 | Hà Nhật Bin | Bin | 28/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 41 | Đặng Thị Bình | Bình | 14/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 42 | Hoàng Thị Thái Bình | Bình | 20/01/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 43 | La Xuân Bình | Bình | 08/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 44 | Lê Thanh Bình | Bình | 18/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 45 | Nguyễn Thị Diệu Bình | Bình | 24/04/1999 | Nữ | DƯỢC |
| 46 | Thái Y Bình | Bình | 18/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 47 | Võ Triệu Bình | Bình | 28/08/2003 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 48 | Siu H' Bu | Bu | 26/11/2003 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 49 | Y Yôel Byă | Byă | 01/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 50 | Byêm | Byêm | 23/07/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 51 | Bạch Xuân Cảnh | Cảnh | 09/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 52 | Đinh Thị Châm | Châm | 09/06/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 53 | Đinh Hoàng Châu | Châu | 30/08/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 54 | Hồ Thị Châu | Châu | 26/06/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 55 | Lê Bảo Châu | Châu | 17/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 56 | Lê Minh Châu | Châu | 22/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 57 | Lê Phạm Vũ Huỳnh Châu | Châu | 24/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 58 | Nguyễn Thị Minh Châu | Châu | 27/05/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 59 | Nguyễn Thị Trân Châu | Châu | 26/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 60 | Phạm Ngọc Bảo Châu | Châu | 27/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 61 | Dương Huệ Chi | Chi | 27/03/1997 | Nữ | KẾ TOÁN |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 62 | Hoàng Bảo Chi | Chi | 01/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 63 | Hoàng Kim Chi | Chi | 11/02/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 64 | Lê Thị Kim Chi | Chi | 03/08/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 65 | Lê Thị Kim Chi | Chi | 10/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 66 | Lê Võ Cẩm Chi | Chi | 22/12/2003 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 67 | Ngô Thị Kim Chi | Chi | 27/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 68 | Nguyễn Thị Kim Chi | Chi | 24/11/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 69 | Nguyễn Thị Kim Chi | Chi | 25/09/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 70 | Phạm Thị Khánh Chi | Chi | 19/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 71 | Lê Công Chí | Chí | 02/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 72 | Hồ Viết Chiến | Chiến | 03/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 73 | Lê Thị Chiến | Chiến | 14/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 74 | Nguyễn Minh Chiến | Chiến | 17/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 75 | Nguyễn Minh Chiến | Chiến | 21/11/2001 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 76 | Nguyễn Văn Chiến | Chiến | 19/02/2004 | Nam | DƯỢC |
| 77 | Vũ Đình Chiến | Chiến | 26/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 78 | Lê Viết Chinh | Chinh | 26/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 79 | Lê Thành Chung | Chung | 15/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 80 | Ngô Văn Chương | Chương | 01/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 81 | Nguyễn Chiến Chương | Chương | 01/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 82 | Nguyễn Quang Chương | Chương | 13/03/2004 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 83 | Nay H' Chuyên | Chuyên | 07/09/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 84 | Hoàng Kim Công | Công | 04/01/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 85 | Nguyễn Chí Công | Công | 24/02/2001 | Nam | DƯỢC |
| 86 | Nguyễn Chí Công | Công | 15/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 87 | Nguyễn Đình Công | Công | 23/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 88 | Phan Thị Hoàng Cúc | Cúc | 12/04/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 89 | Hồ Quốc Cường | Cường | 03/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 90 | Nguyễn Văn Cường | Cường | 02/09/1996 | Nam | DƯỢC |
| 91 | Phan Đình Cường | Cường | 22/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 92 | Phan Quang Cường | Cường | 08/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 93 | Trần Văn Quốc Cường | Cường | 29/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 94 | Trương Hữu Cường | Cường | 15/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 95 | Trần Xuân Đa | Đa | 08/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 96 | Nay H Đă | Đă | 01/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 97 | Trương Thị Vân Đài | Đài | 10/11/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 98 | Trần Văn Đại | Đại | 26/03/2000 | Nam | KẾ TOÁN |
| 99 | Nguyễn Thanh Dân | Dân | 08/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 100 | Phạm Bá Việt Đan | Đan | 20/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 101 | Phan Văn Đăng | Đăng | 01/05/2003 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 102 | Hồ Công Danh | Danh | 09/01/2004 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 103 | Nguyễn Tấn Danh | Danh | 13/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 104 | Nguyễn Thành Danh | Danh | 19/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 105 | Nguyễn Văn Danh | Danh | 26/06/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 106 | Nguyễn Thị Hồng Đào | Đào | 09/01/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 107 | Bùi Thành Đạt | Đạt | 24/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 108 | Hoàng Tấn Đạt | Đạt | 17/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 109 | Huỳnh Tấn Đạt | Đạt | 14/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 110 | Huỳnh Tiến Đạt | Đạt | 28/05/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 111 | Lê Văn Đạt | Đạt | 01/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 112 | Lê Văn Đạt | Đạt | 09/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 113 | Nguyễn Công Đạt | Đạt | 06/04/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 114 | Nguyễn Thành Đạt | Đạt | 29/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 115 | Phạm Lê Tiến Đạt | Đạt | 04/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 116 | Trương Công Thanh Đạt | Đạt | 12/10/1997 | Nam | TIẾNG NHẬT |
| 117 | Võ Tiến Đạt | Đạt | 18/03/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 118 | Nguyễn Tấn Di | Di | 30/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 119 | Lê Thị Kiều Diễm | Diễm | 03/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 120 | Mai Thanh Diễm | Diễm | 13/12/2003 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 121 | Nguyễn Hoàng Diễm | Diễm | 12/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 122 | Nguyễn Thị Thuý Diễm | Diễm | 20/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 123 | Vi Thị Minh Diễm | Diễm | 17/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 124 | Võ Thị Tú Diễm | Diễm | 08/12/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 125 | Phan Văn Diễn | Diễn | 10/04/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 126 | Hà Thị Phương Diệp | Diệp | 26/02/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 127 | Võ Thị Ngọc Diệp | Diệp | 11/03/2004 | Nữ | DƯỢC |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 128 | Bùi Thanh Diệu | Diệu | 12/07/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 129 | Dương Văn Diệu | Diệu | 02/02/1997 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 130 | Nguyễn Thị Mỹ Diệu | Diệu | 01/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 131 | Nguyễn Thị Thu Diệu | Diệu | 28/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 132 | Trần Thị Mỹ Diệu | Diệu | 15/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 133 | Y H Din | Din | 23/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 134 | Y H Din | Din | 13/01/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 135 | Nguyễn Đoàn Miên Đình | Đình | 06/11/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 136 | Trương Bình Định | Định | 27/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 137 | Bùi Linh Đoan | Đoan | 10/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 138 | Bùi Đăng Đoàn | Đoàn | 13/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 139 | Phạm Thị My Dơn | Dơn | 30/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 140 | Võ Ngọc Đôn | Đôn | 21/05/2003 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 141 | Nguyễn Văn Đông | Đông | 17/12/2003 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 142 | Trần Mậu Đông | Đông | 15/05/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 143 | Trần Thị Dư | Dư | 27/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 144 | Bùi Trần Đức | Đức | 28/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 145 | Hồ Thanh Đức | Đức | 09/01/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 146 | Lê Minh Đức | Đức | 22/04/2001 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 147 | Trần Minh Đức | Đức | 27/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 148 | Trần Văn Đức | Đức | 24/01/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 149 | A Lăng Thị Mĩ Dung | Dung | | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 150 | Đinh Thị Thùy Dung | Dung | 02/09/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 151 | Nguyễn Giang Thùy Dung | Dung | 05/05/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 152 | Nguyễn Hoàng Dung | Dung | 01/01/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 153 | Trần Thị Thùy Dung | Dung | 12/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 154 | Trịnh Thị Thùy Dung | Dung | 03/10/1998 | Nữ | DƯỢC |
| 155 | Hồ Khắc Dũng | Dũng | 10/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 156 | Nguyễn Văn Vũ Dũng | Dũng | 10/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 157 | Nguyễn Xuân Dũng | Dũng | 09/09/2003 | Nam | TIẾNG NHẬT |
| 158 | Trần Quang Dũng | Dũng | 20/07/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 159 | Trần Văn Dũng | Dũng | 11/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 160 | Võ Công Dũng | Dũng | 06/11/2003 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 161 | Trần Anh Được | Được | 23/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 162 | Đặng Bùi Anh Dương | Dương | 03/09/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 163 | Đặng Đình Dương | Dương | 04/10/1997 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 164 | Đỗ Vũ Thuỳ Dương | Dương | 06/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 165 | Đoàn Thị Minh Dương | Dương | 02/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 166 | Hồ Thị Ánh Dương | Dương | 08/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 167 | Lê Hữu Dương | Dương | 22/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 168 | Ngô Dương | Dương | 05/04/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 169 | Nguyễn Công Hải Dương | Dương | 17/05/2003 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 170 | Nguyễn Hoàng Dương | Dương | 08/04/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 171 | Nguyễn Hoàng Dương | Dương | 02/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 172 | Lê Anh Duy | Duy | 27/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 173 | Ngô Đức Duy | Duy | 06/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 174 | Nguyễn Công Duy | Duy | 07/12/2002 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 175 | Nguyễn Văn Duy | Duy | 30/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 176 | Nguyễn Vũ Duy | Duy | 30/04/2002 | Nam | DƯỢC |
| 177 | Phạm Duy | Duy | 02/04/1995 | Nam | DƯỢC |
| 178 | Phan Quốc Duy | Duy | 16/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 179 | Trần Bảo Duy | Duy | 01/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 180 | Trần Tấn Duy | Duy | 12/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 181 | Đinh Thị Mỹ Duyên | Duyên | 06/12/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 182 | Lê Thị Mỹ Duyên | Duyên | 27/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 183 | Lê Thị Mỹ Duyên | Duyên | 27/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 184 | Ngô Thị Cẩm Duyên | Duyên | 06/06/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 185 | Nguyễn Thị Duyên | Duyên | 24/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 186 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | Duyên | 28/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 187 | Trần Huỳnh Ái Duyên | Duyên | 04/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 188 | Trần Thị Như Duyên | Duyên | 06/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 189 | Võ Thị Mỹ Duyên | Duyên | 17/10/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 190 | Duyệt | Duyệt | 08/08/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 191 | Ngô Bảo Hoàng Gia | Gia | 16/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 192 | Đặng Thị Giang | Giang | | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 193 | Hồ Thị Ngọc Giang | Giang | 18/07/2004 | Nữ | DƯỢC |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 194 | Huỳnh Thị Hương Giang | Giang | 12/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 195 | Nguyễn Thị Linh Giang | Giang | 06/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 196 | Phạm Thùy Giang | Giang | 13/04/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 197 | Dương Thị Quỳnh Giao | Giao | 12/02/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 198 | Bùi Văn Giáp | Giáp | 05/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 199 | Trần Văn Giáp | Giáp | 19/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 200 | Võ Ngọc Giàu | Giàu | 04/10/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 201 | Đỗ Xuân Hà | Hà | 25/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 202 | Hoàng Hồ Ngọc Hà | Hà | 06/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 203 | Lê Bùi Ái Hà | Hà | 14/03/2004 | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 204 | Nguyễn Hữu Hà | Hà | 28/03/2004 | Nam | DƯỢC |
| 205 | Nguyễn Nam Hà | Hà | 06/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 206 | Nguyễn Phương Hà | Hà | 14/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 207 | Nguyễn Thị Xuân Hà | Hà | 27/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 208 | Phan Công Hà | Hà | 24/02/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 209 | Trần Thị Hà | Hà | 05/04/1986 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 210 | Võ Thị Thu Hà | Hà | 25/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 211 | Võ Thị Thu Hà | Hà | 20/09/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 212 | Hoàng Khánh Hạ | Hạ | 17/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 213 | Nguyễn Thị Hồng Hạ | Hạ | 18/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 214 | Trần Huỳnh Hai | Hai | 08/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 215 | Đỗ Nguyễn Như Hải | Hải | 08/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 216 | Hà Đoàn Thanh Hải | Hải | 07/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 217 | Nguyễn Ngọc Hải | Hải | 24/10/2004 | Nam | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 218 | Nguyễn Văn Hải | Hải | 01/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 219 | Mai Ngọc Hân | Hân | 09/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 220 | Nguyễn Trần Bảo Hân | Hân | 16/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 221 | Phạm Nguyễn Bảo Hân | Hân | 15/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 222 | Trần Thị Thu Hân | Hân | 04/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 223 | Lê Thị Thanh Hằng | Hằng | 13/03/2003 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 224 | Mai Thị Thu Hằng | Hằng | 30/06/2004 | Nam | DƯỢC |
| 225 | Nguyễn Thị Hằng | Hằng | 08/10/1997 | Nữ | DƯỢC |
| 226 | Nguyễn Thị Hằng | Hằng | 24/09/2002 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 227 | Nguyễn Thị Thanh Hằng | Hằng | 04/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 228 | Phạm Thị Mỹ Hằng | Hằng | 01/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 229 | Võ Mỹ Hằng | Hằng | 06/10/1999 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 230 | Ating Thị Hạnh | Hạnh | 20/11/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 231 | Đỗ Hữu Hạnh | Hạnh | 15/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 232 | Đỗ Tấn Hạnh | Hạnh | 07/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 233 | Nguyễn Thị Hạnh | Hạnh | 20/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 234 | Phạm Thị Mỹ Hạnh | Hạnh | 02/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 235 | Trần Thị Hồng Hạnh | Hạnh | 04/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 236 | Trần Thị Tuyết Hảo | Hảo | 29/02/2004 | Nam | DƯỢC |
| 237 | Đặng Ngọc Trung Hậu | Hậu | 13/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 238 | Đặng Thị Kim Hậu | Hậu | 08/07/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 239 | Huỳnh Mạnh Hậu | Hậu | 25/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 240 | Mai Hậu | Hậu | 25/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 241 | Phan Hữu Hậu | Hậu | 29/01/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 242 | Trần Văn Trung Hậu | Hậu | 29/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 243 | Đào Ngọc Hết | Hết | 02/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 244 | Hồ Thị Hiền | Hiền | 10/02/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 245 | Huỳnh Thị Ngọc Hiền | Hiền | 12/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 246 | Nguyễn Diệu Hiền | Hiền | 13/12/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 247 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | Hiền | 01/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 248 | Nguyễn Thị Thu Hiền | Hiền | 27/10/2000 | Nữ | DƯỢC |
| 249 | Nguyễn Thị Thúy Hiền | Hiền | 02/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 250 | Phạm Thị Thanh Hiền | Hiền | 18/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 251 | Phạm Thị Thanh Hiền | Hiền | 18/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 252 | Phan Nguyễn Thương Hiền | Hiền | 01/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 253 | Phan Thị Việt Hiền | Hiền | 18/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 254 | Trần Thị Thu Hiền | Hiền | 12/09/2000 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 255 | Ngô Thị Hiệp | Hiệp | 14/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 256 | Nguyễn Thị Hiệp | Hiệp | 22/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 257 | Tạ Văn Hiệp | Hiệp | 10/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 258 | Trần Văn Hiệp | Hiệp | 06/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 259 | Trần Văn Hiệp | Hiệp | 06/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 260 | Ca Văn Hiếu | Hiếu | 01/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 261 | Ca Văn Hiếu | Hiếu | 01/01/2004 | Nam | DƯỢC |
| 262 | Ca Văn Hiếu | Hiếu | 01/01/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 263 | Đặng Ngọc Trung Hiếu | Hiếu | 13/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 264 | Dương Trần Quang Hiếu | Hiếu | 23/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 265 | Lê Minh Hiếu | Hiếu | 11/07/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 266 | Lê Minh Hiếu | Hiếu | 30/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 267 | Lê Thanh Hiếu | Hiếu | 10/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 268 | Nguyễn Minh Hiếu | Hiếu | 15/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 269 | Nguyễn Tấn Hiếu | Hiếu | 18/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 270 | Nguyễn Văn Hiếu | Hiếu | 30/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 271 | Phạm Khánh Hiếu | Hiếu | 26/08/1994 | Nam | TIẾNG ANH |
| 272 | Phan Văn Hiếu | Hiếu | 10/08/2003 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 273 | Nguyễn Tô Huy Hiệu | Hiệu | 05/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 274 | Ung Nho Hiệu | Hiệu | 03/02/2004 | Nữ | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 275 | Thái Thị Hoa | Hoa | 10/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 276 | Trần Thị Bích Hoa | Hoa | 12/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 277 | Y Hoa | Hoa | 06/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 278 | Châu Đình Hòa | Hòa | 06/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 279 | Đào Duy Hòa | Hòa | 27/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 280 | Đỗ Xuân Hòa | Hòa | 10/07/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ |
| 281 | Nguyễn Công Hòa | Hòa | 06/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 282 | Nguyễn Đăng Hòa | Hòa | 19/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 283 | Nguyễn Duy Hòa | Hòa | 10/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 284 | Nguyễn Duy Hòa | Hòa | 21/06/2002 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 285 | Thái Thị Ngọc Hòa | Hòa | 23/06/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 286 | Trần Quốc Hoài | Hoài | 24/06/1999 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 287 | Đặng Văn Hoàng | Hoàng | 26/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 288 | Đào Trần Ngọc Hoàng | Hoàng | 08/08/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 289 | Hà Khánh Hoàng | Hoàng | 25/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 290 | Huỳnh Minh Hoàng | Hoàng | 27/03/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 291 | Lê Viết Hoàng | Hoàng | 25/11/2003 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 292 | Ngô Minh Hoàng | Hoàng | 02/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 293 | Nguyễn Huy Hoàng | Hoàng | 19/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 294 | Nguyễn Nhật Hoàng | Hoàng | 12/12/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 295 | Nguyễn Việt Hoàng | Hoàng | 16/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 296 | Phan Nguyễn Huy Hoàng | Hoàng | 23/04/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 297 | Tạ Đình Anh Hoàng | Hoàng | 29/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 298 | Trần Đặng Huy Hoàng | Hoàng | 02/02/2003 | Nam | DƯỢC |
| 299 | Trần Duy Hoàng | Hoàng | 24/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 300 | Võ Huy Hoàng | Hoàng | 16/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 301 | Võ Văn Hoàng | Hoàng | 08/10/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 302 | Phan Thanh Hội | Hội | 18/12/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 303 | Huỳnh Thị Hồng | Hồng | 13/08/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 304 | Nguyễn Thị Thu Hồng | Hồng | 23/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 305 | Hồ Văn Huân | Huân | 15/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 306 | Trần Anh Huân | Huân | 11/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 307 | Trần Thị Huê | Huê | 07/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 308 | Huỳnh Thị Thu Huệ | Huệ | | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 309 | Trần Thị Thanh Huệ | Huệ | 26/05/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 310 | Hoàng Mạnh Hùng | Hùng | 11/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 311 | Lê Doãn Hùng | Hùng | 15/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 312 | Nguyễn Huy Hùng | Hùng | 10/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 313 | Nguyễn Phi Hùng | Hùng | 02/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 314 | Nguyễn Sĩ Hùng | Hùng | 29/04/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 315 | Phạm Đức Hùng | Hùng | 03/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 316 | Trần Văn Quốc Hùng | Hùng | 27/07/2002 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 317 | Võ Công Hùng | Hùng | 22/05/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 318 | Vũ Văn Hùng | Hùng | 22/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 319 | Bùi Quốc Hưng | Hưng | 28/10/2000 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 320 | Dương Đông Hưng | Hưng | 11/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 321 | Nguyễn Quang Hưng | Hưng | 28/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 322 | Dương Thị Minh Hương | Hương | 01/03/2004 | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 323 | Lê Thị Diệu Hương | Hương | 08/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 324 | Nguyễn Thảo Hương | Hương | 29/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 325 | Nguyễn Thị Hương | Hương | 06/07/2004 | Nữ | DƯỢC |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 326 | Phan Thị Lan Hương | Hương | 03/04/1996 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 327 | Võ Thị Mai Hương | Hương | 18/09/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 328 | Đoàn Thị Hường | Hường | 18/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 329 | Trần Thị Hường | Hường | 22/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 330 | Trần Thị Kim Hường | Hường | 20/05/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 331 | Bùi Quang Huy | Huy | 10/01/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 332 | Cao Xuân Huy | Huy | 22/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 333 | Đặng Ngọc Huy | Huy | 18/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 334 | Đặng Quang Huy | Huy | 09/12/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 335 | Dương Tài Huy | Huy | 01/01/1999 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 336 | Hồ Từ Tấn Minh Huy | Huy | 12/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Lập trình máy tính) |
| 337 | Kchong Brôl Huy | Huy | 03/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 338 | Kiều Minh Huy | Huy | 08/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 339 | Kring Huy | Huy | 28/12/2003 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 340 | Lê Hoàng Khánh Huy | Huy | 27/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 341 | Lê Quang Huy | Huy | 30/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 342 | Mai Quang Huy | Huy | 21/04/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 343 | Nguyễn Quốc Huy | Huy | 04/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 344 | Nguyễn Xuân Huy | Huy | 12/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 345 | Phạm Nguyễn Ngọc Huy | Huy | 10/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 346 | Phạm Nhật Huy | Huy | 11/10/2004 | Nam | DƯỢC |
| 347 | Phạm Quang Huy | Huy | 23/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 348 | Phạm Văn Huy | Huy | 09/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 349 | Trần Gia Huy | Huy | 03/08/2003 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 350 | Trần Hữu Công Huy | Huy | 11/12/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 351 | Võ Quang Huy | Huy | 25/06/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 352 | Cầm Thị Huyền | Huyền | 27/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 353 | Đỗ Thị Lệ Huyền | Huyền | 20/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 354 | Hoàng Thanh Huyền | Huyền | 22/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 355 | Phan Phương Huyền | Huyền | 19/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 356 | Trần Thị Như Huyền | Huyền | 17/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 357 | Trần Thị Thu Huyền | Huyền | 13/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 358 | Võ Đặng Diệu Huyền | Huyền | 08/03/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 359 | Nguyễn Thanh Huynh | Huynh | 23/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 360 | Huỳnh Văn Hy | Hy | 10/09/2000 | Nam | DƯỢC |
| 361 | Kaih | Kaih | 01/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 362 | Huỳnh Văn Kết | Kết | 03/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 363 | Trần Minh Khải | Khải | 21/04/2003 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 364 | Ngô Huỳnh Đinh Khang | Khang | 08/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 365 | Nguyễn Công Thế Khang | Khang | 08/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 366 | Võ Văn Khang | Khang | 20/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 367 | Đỗ Lê Hữu Khanh | Khanh | 13/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 368 | Dương Ngọc Khanh | Khanh | 23/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 369 | Trần Nguyễn Duy Khanh | Khanh | 18/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 370 | Bùi Quốc Khánh | Khánh | 02/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 371 | Lê Quốc Khánh | Khánh | 10/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 372 | Lê Văn Khánh | Khánh | 05/01/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 373 | Lưu Huỳnh Công Khánh | Khánh | 27/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 374 | Nguyễn Văn Khánh | Khánh | 25/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 375 | Nguyễn Xuân Khánh | Khánh | 10/04/2003 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 376 | Phạm Ngọc Quốc Khánh | Khánh | 02/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 377 | Võ Lâm Khánh | Khánh | 25/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 378 | Y Khenh | Khenh | 03/07/2001 | | DƯỢC |
| 379 | Hoàng Đình Khoa | Khoa | 23/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 380 | Trần Đức Đăng Khoa | Khoa | 01/06/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 381 | Trần Thế Khôi | Khôi | 29/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 382 | Đặng Trần Anh Kiệt | Kiệt | 20/01/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 383 | Đinh Gia Kiệt | Kiệt | 17/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 384 | Hà Châu Kiệt | Kiệt | 06/05/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 385 | Nguyễn Tuấn Kiệt | Kiệt | 17/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 386 | Phan Tuấn Kiệt | Kiệt | 13/09/2004 | Nam | DƯỢC |
| 387 | Tôn Bá Kiệt | Kiệt | 24/01/2003 | Nam | DƯỢC |
| 388 | Võ Gia Kiệt | Kiệt | 28/05/2004 | Nam | TIẾNG NHẬT |
| 389 | Bùi Thị Thúy Kiều | Kiều | 12/01/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 390 | Cao Thị Thúy Kiều | Kiều | 24/07/2003 | Nữ | TIẾNG ANH |
| 391 | Phan Thị Thúy Kiều | Kiều | 03/03/2004 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 392 | Nguyễn Thị Mỹ Kim | Kim | 16/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 393 | Nguyễn Đức Kỳ | Kỳ | 04/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 394 | Nguyễn Ngọc Kỷ | Kỷ | 06/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 395 | Nguyễn Anh Lai | Lai | 14/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 396 | Nguyễn Quang Lai | Lai | 26/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 397 | Nguyễn Hạ Lam | Lam | 09/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 398 | Nguyễn Thị Hoàng Lam | Lam | 23/07/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 399 | Trương Thị Linh Lam | Lam | 01/02/2002 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 400 | Dương Thái Lâm | Lâm | 22/05/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 401 | Dương Thành Lâm | Lâm | 07/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 402 | Nguyễn Công Lâm | Lâm | 13/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 403 | Nguyễn Phi Lâm | Lâm | 04/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 404 | Đỗ Thị Mỹ Lan | Lan | 13/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 405 | Doãn Trần Hoàng Lan | Lan | 07/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 406 | Nguyễn Thị Hoàng Lan | Lan | 23/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 407 | Trần Thị Ngọc Lan | Lan | 24/05/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 408 | Trương Hoàng Lan | Lan | 20/06/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 409 | Võ Thanh Lan | Lan | 01/01/2004 | Nam | DƯỢC |
| 410 | Võ Thị Thùy Lan | Lan | 25/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 411 | Y Lăng | Lăng | 23/09/2000 | Nữ | DƯỢC |
| 412 | Zơ Râm Láo | Láo | 15/06/2003 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 413 | Hồ Chí Lập | Lập | 03/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 414 | Đặng Thị Hồng Lê | Lê | 06/12/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 415 | Huỳnh Thị Ngọc Lê | Lê | 28/07/2004 | Nữ | TIẾNG NHẬT |
| 416 | Nguyễn Phương Lê | Lê | 11/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 417 | Nguyễn Thị Lệ | Lệ | 01/06/1997 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 418 | Nguyễn Thị Lệ | Lệ | 15/04/1994 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 419 | Nguyễn Thị Mỹ Lệ | Lệ | 17/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 420 | Trần Thùy Lý Lệ | Lệ | 29/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 421 | Rơ Lan Liêm | Liêm | 22/12/2004 | Nữ | TIẾNG ANH |
| 422 | Hà Thị Liên | Liên | 09/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 423 | Hà Thị Liên | Liên | 09/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 424 | Huỳnh Thị Kim Liên | Liên | 30/08/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 425 | Huỳnh Thị Liên | Liên | 10/10/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 426 | Võ Thành Liêu | Liêu | 10/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 427 | Mai Trương Vy Liễu | Liễu | 17/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 428 | Trần Nguyễn Xuân Liễu | Liễu | 21/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 429 | Dương Thị Khánh Linh | Linh | 20/10/2004 | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 430 | Hồ Thị Hương Linh | Linh | 09/08/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 431 | Hoàng Thị Thùy Linh | Linh | 28/07/1999 | Nữ | DƯỢC |
| 432 | Huỳnh Nguyễn Ngọc Linh | Linh | 06/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 433 | Lê Trần Khánh Linh | Linh | 23/06/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 434 | Mai Thị Thùy Linh | Linh | 05/09/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 435 | Nguyễn Lê Trang Linh | Linh | 29/09/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 436 | Nguyễn Thị Diệu Linh | Linh | 07/04/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 437 | Nguyễn Thị Hiền Linh | Linh | 24/12/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 438 | Nguyễn Thị Linh | Linh | 25/05/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 439 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | Linh | 13/02/2001 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 440 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | Linh | 26/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 441 | Nguyễn Thị Ngọc Linh | Linh | 19/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 442 | Nguyễn Tử Quang Linh | Linh | 10/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 443 | Phạm Hoài Linh | Linh | 19/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 444 | Phan Thị Ánh Linh | Linh | 04/01/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 445 | Phan Thị Trúc Linh | Linh | 10/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 446 | Trần Hải Linh | Linh | 01/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 447 | Trần Lương Thùy Linh | Linh | 02/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 448 | Trần Thị Khánh Linh | Linh | 10/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 449 | Trần Văn Linh | Linh | 09/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 450 | Võ Trần Duy Linh | Linh | 30/08/1999 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 451 | Nguyễn Văn Lĩnh | Lĩnh | 20/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 452 | Đinh Thị Thanh Loan | Loan | 27/04/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 453 | Lê Thị Kiều Loan | Loan | 27/05/1998 | Nữ | DƯỢC |
| 454 | Trần Thị Kim Loan | Loan | 01/08/2004 | Nữ | TIẾNG ANH |
| 455 | Trang Thị Loan | Loan | 30/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 456 | Đỗ Thiên Lộc | Lộc | 05/07/2004 | Nam | DƯỢC |
| 457 | Mai Xuân Lộc | Lộc | 25/01/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 458 | Nguyễn Thanh Lộc | Lộc | 21/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 459 | Nguyễn Thanh Lộc | Lộc | 21/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 460 | Nguyễn Thị Thuý Lộc | Lộc | 27/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 461 | Phạm Hữu Lộc | Lộc | 06/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 462 | Phạm Quý Lộc | Lộc | 30/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 463 | Thái Phát Lộc | Lộc | 30/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 464 | Trịnh Quang Lộc | Lộc | 13/11/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 465 | Ksor Lới | Lới | 15/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 466 | Bùi Thành Lợi | Lợi | 18/04/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 467 | Nguyễn Thành Lợi | Lợi | 24/07/2004 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 468 | Nguyễn Thành Lợi | Lợi | 24/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 469 | Trần Văn Lợi | Lợi | 10/07/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 470 | Hà Hoàng Long | Long | 12/02/2004 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 471 | Nguyễn Bảo Long | Long | 26/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 472 | Nguyễn Thành Long | Long | 15/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 473 | Nguyễn Văn Long | Long | 26/02/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 474 | Nguyễn Hồng Luân | Luân | 25/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 475 | Nguyễn Thanh Luân | Luân | 28/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 476 | Phan Thành Luân | Luân | 05/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 477 | Đặng Thị Luận | Luận | 15/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 478 | Đặng Thị Luận | Luận | 15/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 479 | Từ Huỳnh Nhân Lực | Lực | 23/12/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 480 | Lưk | Lưk | 01/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 481 | Đinh Thị Hiền Lương | Lương | 02/06/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 482 | Nguyễn Đức Lương | Lương | 12/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 483 | Trần Đức Lương | Lương | 25/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 484 | Vũ Xuân Lượng | Lượng | 01/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 485 | Đào Anh Lũy | Lũy | 14/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 486 | Nguyễn Thanh Luyn | Luyn | 12/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 487 | Kiều Thị Trúc Ly | Ly | 04/06/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 488 | Lê Thị Yến Ly | Ly | 12/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 489 | Nguyễn Hoàng Ly | Ly | 19/05/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 490 | Nguyễn Khánh Ly | Ly | 02/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 491 | Nguyễn Khánh Ly | Ly | 18/01/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 492 | Nguyễn Thị Bích Ly | Ly | 15/02/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 493 | Phan Thị Bảo Ly | Ly | 01/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 494 | Phan Thị Thảo Ly | Ly | 01/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 495 | Trương Thảo Ly | Ly | 01/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 496 | Võ Thị Khánh Ly | Ly | 20/06/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 497 | Đoàn Thị Lý | Lý | 10/06/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 498 | Nguyễn Thành Lý | Lý | 15/03/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 499 | Hoàng Thị Mai | Mai | 25/06/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 500 | Nguyễn Thị Mai | Mai | 25/10/1995 | Nữ | DƯỢC |
| 501 | Nguyễn Thị Thùy Mai | Mai | 09/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 502 | Nguyễn Thị Tuyết Mai | Mai | 09/07/2003 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 503 | Phạm Thị Mai | Mai | 28/04/2000 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 504 | Phan Thị Xuân Mai | Mai | 10/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 505 | Trần Ngọc Mai | Mai | 25/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 506 | Trần Thị Quỳnh Mai | Mai | 06/06/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 507 | Vũ Thị Thanh Mai | Mai | 04/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 508 | Phạm Công Mẫn | Mẫn | 19/10/2003 | Nam | DƯỢC |
| 509 | Lê Đức Mạnh | Mạnh | 02/11/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 510 | Nguyễn Viết Mạnh | Mạnh | 27/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 511 | Phạm Thị Ngọc Mến | Mến | 08/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 512 | Lê Quý Hạ Mi | Mi | 14/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 513 | Mai Thị Mĩ | Mĩ | 01/12/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 514 | Hồ Nhật Minh | Minh | 04/09/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 515 | Lâm Nhật Minh | Minh | 31/05/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 516 | Nguyễn Lương Minh | Minh | 03/11/2001 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 517 | Nguyễn Tá Minh | Minh | 09/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 518 | Nguyễn Tuấn Minh | Minh | 04/08/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 519 | Phạm Thị Thuyết Minh | Minh | 04/06/2001 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 520 | Phan Văn Minh | Minh | 28/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 521 | Võ Thị Thanh Minh | Minh | 10/09/2003 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 522 | Mlên | Mlên | 05/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 523 | Mới | Mới | 10/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 524 | Y Mũi | Mũi | 26/08/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 525 | Hà Thị Trà My | My | 26/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 526 | Huỳnh Hà Trà My | My | 01/06/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 527 | Ksor Đy My | My | 03/05/2004 | | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 528 | Lê Hồ Họa My | My | 26/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 529 | Lê Hoàng My | My | 10/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 530 | Lê Thị Diệu My | My | 16/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 531 | Lê Thị Hoàng My | My | 04/09/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 532 | Lê Thị Lệ My | My | 31/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 533 | Nguyễn Thị Huyền My | My | 02/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 534 | Nguyễn Thị Trà My | My | 02/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 535 | Nguyễn Thị Trà My | My | 01/01/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 536 | Nguyễn Trần Trà My | My | 02/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 537 | Trần Thị Tiểu My | My | 26/09/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 538 | Võ Thị My My | My | 07/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 539 | Nguyễn Thị Hồng Mỹ | Mỹ | 17/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 540 | Võ Thị Ngọc Mỹ | Mỹ | 03/05/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 541 | Đinh Thị Ly Na | Na | 14/02/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 542 | Lê Thị Li Na | Na | 23/04/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 543 | Lương Lâm Ni Na | Na | 12/09/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 544 | Nguyễn Thị Ly Na | Na | 27/09/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 545 | Romah Na | Na | 22/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 546 | Siu H' Na | Na | 09/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 547 | Trần Thị Na | Na | 26/10/2002 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 548 | Bùi Văn Nam | Nam | 18/08/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 549 | Cao Hải Nam | Nam | 10/05/1992 | Nam | DƯỢC |
| 550 | Hà Văn Nam | Nam | 17/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 551 | Hoàng Đình Nam | Nam | 04/02/2003 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 552 | Nguyễn Đức Nam | Nam | 08/11/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Thiết kế đồ họa) |
| 553 | Nguyễn Hoài Nam | Nam | 13/08/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 554 | Nguyễn Ngọc Nam | Nam | 29/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 555 | Nguyễn Ngọc Nam | Nam | 04/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 556 | Nguyễn Phương Nam | Nam | 20/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 557 | Phạm Văn Nam | Nam | 14/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 558 | Phan Bá Nam | Nam | 03/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 559 | Võ Hoàng Nam | Nam | 17/07/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 560 | Y Nêng | Nêng | 23/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 561 | Hồ Thị Nga | Nga | 21/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 562 | Hồ Thị Ngọc Nga | Nga | 07/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 563 | Lê Thị Quỳnh Nga | Nga | 11/09/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 564 | Nguyễn Thị Bích Nga | Nga | 01/01/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 565 | Nguyễn Thị Thiên Nga | Nga | 25/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 566 | Phạm Nguyễn Thanh Nga | Nga | 10/07/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 567 | Phan Thị Tố Nga | Nga | 10/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 568 | Lê Thị Bích Ngà | Ngà | 15/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 569 | Bùi Thị Bích Ngân | Ngân | 02/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 570 | Đặng Thị Tuyết Ngân | Ngân | 30/06/2000 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 571 | Đào Thị Thu Ngân | Ngân | 03/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 572 | Đoàn Thị Kim Ngân | Ngân | 05/10/2000 | Nữ | TIẾNG ANH |
| 573 | Nguyễn Hạnh Ngân | Ngân | 25/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 574 | Nguyễn Thị Bích Ngân | Ngân | 07/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 575 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Ngân | 26/08/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 576 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Ngân | 25/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 577 | Nguyễn Thị Thu Ngân | Ngân | 28/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 578 | Vương Thị Hồng Ngân | Ngân | 29/03/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 579 | Ngô Thị Hồng Ngát | Ngát | 06/01/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 580 | Phạm Thị Ngát | Ngát | 20/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 581 | Nguyễn Gia Bảo Nghi | Nghi | 04/08/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 582 | Dương Anh Nghĩa | Nghĩa | 29/01/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 583 | Phạm Trần Nghĩa | Nghĩa | 21/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 584 | Phí Việt Nghĩa | Nghĩa | 08/08/2003 | Nam | KẾ TOÁN |
| 585 | Ngoăn | Ngoăn | 27/09/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 586 | Ksor H Ngoat | Ngoat | 01/02/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 587 | Bùi Thị Bích Ngọc | Ngọc | 29/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 588 | Cao Khánh Ngọc | Ngọc | 17/10/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 589 | Huỳnh Thị Bích Ngọc | Ngọc | 11/09/2003 | Nữ | DƯỢC |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 590 | Lê Thị Hồng Ngọc | Ngọc | 12/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 591 | Lê Thị Thuý Ngọc | Ngọc | 06/12/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 592 | Lê Trần Thị Ngọc | Ngọc | 17/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 593 | Nguyễn Thị Mỹ Ngọc | Ngọc | 09/05/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 594 | Phạm Châu Ngọc | Ngọc | 04/02/2000 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 595 | Trần Đức Ngọc | Ngọc | 16/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 596 | Trần Thị Bích Ngọc | Ngọc | 01/06/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 597 | Trần Thị Như Ngọc | Ngọc | 21/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 598 | Vũ Hoàng Ánh Ngọc | Ngọc | 24/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 599 | Đinh Thị Nguy | Nguy | 05/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 600 | Bùi Thảo Nguyên | Nguyên | 24/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 601 | Đặng Ngọc Anh Nguyên | Nguyên | 07/02/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 602 | Đỗ Thị Thảo Nguyên | Nguyên | 09/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 603 | Hoàng Ngọc Nguyên | Nguyên | 26/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 604 | Ngô Thị Kim Nguyên | Nguyên | 23/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 605 | Ngô Thị Thục Nguyên | Nguyên | 15/05/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 606 | Nguyễn Đức Nguyên | Nguyên | 17/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 607 | Nguyễn Tiến Nguyên | Nguyên | 27/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 608 | Phan Thanh Nguyên | Nguyên | 21/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 609 | Trần Thảo Nguyên | Nguyên | 17/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 610 | Lê Thị Minh Nguyệt | Nguyệt | 16/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 611 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | Nguyệt | 04/07/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 612 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | Nguyệt | 25/01/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 613 | Trần Thị Minh Nguyệt | Nguyệt | 17/10/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 614 | Trần Thị Như Nguyệt | Nguyệt | 16/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 615 | Võ Thị Nguyệt | Nguyệt | 15/05/2004 | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 616 | Võ Thị Thu Nguyệt | Nguyệt | 02/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 617 | La Quý Nhã | Nhã | 20/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 618 | Huỳnh Đức Nhân | Nhân | 02/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 619 | Huỳnh Văn Thành Nhân | Nhân | 19/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Lập trình máy tính) |
| 620 | Lê Anh Nhân | Nhân | 10/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 621 | Lương Văn Nhân | Nhân | 26/12/2003 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 622 | Nguyễn Võ Thành Nhân | Nhân | 13/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 623 | Phạm Minh Nhân | Nhân | 19/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 624 | Võ Văn Nhất | Nhất | 17/05/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 625 | Đỗ Quốc Nhật | Nhật | 10/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 626 | Nguyễn Trần Công Nhật | Nhật | 06/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 627 | Phạm Minh Nhật | Nhật | 20/05/2004 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 628 | Phạm Văn Nhật | Nhật | 06/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 629 | Võ Nguyễn Anh Nhật | Nhật | 01/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 630 | A Nhi | Nhi | 05/12/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 631 | Chung Vệ Nhi | Nhi | 17/08/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 632 | Đinh Ngọc Yến Nhi | Nhi | 24/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 633 | Đỗ Yến Nhi | Nhi | 01/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 634 | Dương Thị Yến Nhi | Nhi | 05/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 635 | Huỳnh Đào Nhi | Nhi | 10/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 636 | Lê Thị Phương Nhi | Nhi | 16/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 637 | Lưu Thị Uyển Nhi | Nhi | 29/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 638 | Nguyễn Ngọc Nhi | Nhi | 30/08/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 639 | Nguyễn Thảo Anh Nhi | Nhi | 07/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 640 | Nguyễn Thị Hoài Nhi | Nhi | 24/02/2003 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 641 | Nguyễn Thị Yến Nhi | Nhi | 04/07/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 642 | Phạm Yến Nhi | Nhi | 16/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 643 | Phan Hoàng Bảo Nhi | Nhi | 22/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 644 | Phan Thị Ánh Nhi | Nhi | 15/07/2002 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 645 | Tô Thị Tuyết Nhi | Nhi | 19/02/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 646 | Tô Trần Yến Nhi | Nhi | 11/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 647 | Trần Hoàng Ái Nhi | Nhi | 04/09/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 648 | Trần Lê Khánh Nhi | Nhi | 20/12/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 649 | Nhip | Nhip | 16/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 650 | Đoàn Thị Thanh Như | Như | 21/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 651 | Lê Kiều Quỳnh Như | Như | 21/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 652 | Lê Thị Quỳnh Như | Như | 27/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 653 | Nguyễn Châu Ngọc Như | Như | 15/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 654 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | Như | 21/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 655 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | Như | 15/09/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 656 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | Như | 28/10/2003 | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 657 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | Như | 28/10/2003 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 658 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | Như | 28/10/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 659 | Phạm Quỳnh Như | Như | 22/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 660 | Phạm Thị Như | Như | 20/10/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 661 | Tạ Phối Như | Như | 26/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 662 | Tạ Tố Như | Như | 01/10/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 663 | Trương Văn Tín Nhuận | Nhuận | 05/08/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 664 | Lê Thị Hồng Nhung | Nhung | 22/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 665 | Ngô Thị Hồng Nhung | Nhung | 10/08/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 666 | Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Nhung | 11/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 667 | Phạm Thị Cẩm Nhung | Nhung | 06/06/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 668 | Trần Quang Nhứt | Nhứt | 07/08/2003 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 669 | Đỗ Thị Ni Ni | Ni | 24/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 670 | Phan Thị Ngọc Ni | Ni | 01/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 671 | H Ha Niê | Niê | 08/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 672 | H Mai Sa Niê | Niê | 27/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 673 | Y Thương Niê | Niê | 13/04/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 674 | Nguyễn Viết Duy Niên | Niên | 20/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 675 | Nguyễn Ngọc Ninh | Ninh | 31/10/2003 | Nam | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 676 | Đặng Thị Thu Nữ | Nữ | 20/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 677 | Nguyễn Ngọc Nữ | Nữ | 29/07/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 678 | Nguyễn Thị Trúc Nữ | Nữ | 02/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 679 | Lê Đoàn Huyền Ny | Ny | 28/08/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 680 | Trần Thị Kiều Ny | Ny | 20/02/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 681 | Trần Thị Uyên Ny | Ny | 28/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 682 | Trần Thị Vy Ny | Ny | 26/03/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 683 | Hồ Lê Thị Kiều Oanh | Oanh | 08/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 684 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | Oanh | 26/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 685 | Phạm Thị Đông Oanh | Oanh | 30/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 686 | Võ Thị Hoài Oanh | Oanh | 18/07/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 687 | Onh | Onh | 25/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 688 | Hoàng Văn Pháp | Pháp | 15/02/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 689 | Trịnh Trương Quang Phát | Phát | 02/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 690 | Hồ Nguyễn Hiền Phi | Phi | 02/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 691 | Hoàng Quang Phi | Phi | 08/11/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 692 | Lê Quý Phi | Phi | 25/10/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 693 | Đoàn Hồng Phong | Phong | 02/07/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 694 | Hứa Chấn Phong | Phong | 24/07/1995 | Nam | KẾ TOÁN |
| 695 | Lê Thanh Phong | Phong | 18/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 696 | Nguyễn Dương Ngọc Phong | Phong | 20/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 697 | Hồ Hoàng Phú | Phú | 20/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 698 | Hồ Thành Phú | Phú | 22/08/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 699 | Huỳnh Vĩnh Phú | Phú | 21/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 700 | Phan Quang Phú | Phú | 20/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 701 | Phan Văn Phú | Phú | 16/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 702 | Trương Văn Phú | Phú | 05/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 703 | Bùi Văn Phúc | Phúc | 13/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 704 | Đinh Thị Hà Phúc | Phúc | 30/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 705 | Đỗ Tấn Phúc | Phúc | 07/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 706 | Huỳnh Đại Phúc | Phúc | 25/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 707 | Huỳnh Tấn Phúc | Phúc | 06/09/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 708 | Lương Hoàng Phúc | Phúc | 28/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 709 | Ngô Mậu Phúc | Phúc | 21/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 710 | Nguyễn Phú Phúc | Phúc | 30/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 711 | Nguyễn Tài Phúc | Phúc | 13/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 712 | Nguyễn Thị Hồng Phúc | Phúc | 07/05/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 713 | Nguyễn Văn Phúc | Phúc | 30/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 714 | Phạm Hoàng Phúc | Phúc | 16/12/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 715 | Phạm Minh Phúc | Phúc | 17/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 716 | Thái Văn Phúc | Phúc | 24/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 717 | Nguyễn Quang Phước | Phước | 17/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 718 | Nguyễn Thị Phước | Phước | 09/10/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 719 | Nguyễn Thiện Phước | Phước | 16/07/2003 | Nam | DƯỢC |
| 720 | Trần Văn Phước | Phước | 25/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 721 | Trần Xuân Phước | Phước | 11/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 722 | Bùi Bích Phương | Phương | 21/01/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 723 | Đặng Thị Hoài Phương | Phương | 09/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 724 | Hồ Hoàng Uyên Phương | Phương | 30/09/2001 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 725 | Lê Thị Thảo Phương | Phương | 02/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 726 | Nguyễn Thanh Phương | Phương | 20/11/2000 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 727 | Nguyễn Thị Ngọc Phương | Phương | 17/11/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 728 | Nguyễn Thị Phương | Phương | 31/07/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 729 | Nguyễn Thị Thu Phương | Phương | 05/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 730 | Nguyễn Văn Phương | Phương | 27/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 731 | Phạm Thị Hồng Phương | Phương | 21/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 732 | Phùng Trần Thùy Phương | Phương | 08/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 733 | Võ Thị Hoài Phương | Phương | 22/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 734 | Nguyễn Thị Thúy Phượng | Phượng | 07/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 735 | Tán Lê Cát Phượng | Phượng | 28/01/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 736 | Hồ Viết Anh Quân | Quân | | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 737 | Lê Chánh Quân | Quân | 08/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 738 | Nguyễn Ngọc Minh Quân | Quân | 02/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 739 | Phạm Văn Quân | Quân | 07/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 740 | Trần Minh Quân | Quân | 30/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 741 | Vũ Đức Anh Quân | Quân | 23/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 742 | Nguyễn Hà Quang | Quang | 17/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 743 | Đào Sỹ Quốc | Quốc | 21/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 744 | Nguyễn Viết Quốc | Quốc | 10/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 745 | Trần Cao Quốc | Quốc | 16/11/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 746 | Điểu Quy | Quy | 04/11/2000 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 747 | Bùi Lê Minh Quý | Quý | 16/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 748 | Bùi Văn Quý | Quý | 26/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 749 | Lê Hoàng Quý | Quý | 07/08/2000 | Nam | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 750 | Nguyễn Phi Quý | Quý | 24/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 751 | Nguyễn Phước Quý | Quý | 26/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 752 | Trần Thị Kim Quý | Quý | 06/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 753 | Trần Thị Quý | Quý | 21/03/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 754 | Trần Văn Quý | Quý | 04/05/2003 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 755 | Đoàn Việt Quyên | Quyên | 27/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 756 | Nguyễn Thị Thảo Quyên | Quyên | 04/12/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 757 | Phạm Ngọc Trúc Quyên | Quyên | 04/03/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 758 | Trần Thị Hoài Quyên | Quyên | 08/11/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 759 | Võ Thụy Lan Quyên | Quyên | 12/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 760 | Phạm Văn Quyến | Quyến | 20/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 761 | Võ Ngọc Quyết | Quyết | 05/07/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 762 | Đinh Thị Diễm Quỳnh | Quỳnh | 02/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 763 | Lâm Thị Như Quỳnh | Quỳnh | 14/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 764 | Lê Như Quỳnh | Quỳnh | 14/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 765 | Nguyễn Đoàn Làm Quỳnh | Quỳnh | 27/09/2003 | Nữ | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 766 | Nguyễn Như Quỳnh | Quỳnh | 14/07/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 767 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | Quỳnh | 09/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 768 | Nguyễn Xuân Quỳnh | Quỳnh | 24/03/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 769 | Phạm Thị Hương Quỳnh | Quỳnh | 17/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 770 | Phạm Thị Như Quỳnh | Quỳnh | 22/05/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 771 | Phan Thảo Quỳnh | Quỳnh | 25/10/1994 | Nữ | DƯỢC |
| 772 | Triệu Vũ Như Quỳnh | Quỳnh | 27/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 773 | Rơ Ô Tolly Rcom | Rcom | 22/11/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 774 | Nguyễn Thanh Rin | Rin | 07/07/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 775 | Rơ mah Ruit | Ruit | 08/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 776 | Lại Văn Sâm | Sâm | 08/04/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 777 | Mai Văn Sang | Sang | 15/03/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 778 | Nguyễn Tấn Sang | Sang | 21/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 779 | Trương Quang Sang | Sang | 07/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 780 | Trương Quang Sang | Sang | 08/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 781 | Hồ Việt Sáng | Sáng | 04/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 782 | Nguyễn Trọng Sáng | Sáng | 28/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 783 | Bùi Đức Sanh | Sanh | 11/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 784 | U Sinh | Sinh | 12/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 785 | Nguyễn Hoàng Sơn | Sơn | 25/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 786 | Nguyễn Ngọc Sơn | Sơn | 22/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 787 | Nguyễn Văn Sơn | Sơn | 27/02/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 788 | Nguyễn Văn Sơn | Sơn | 18/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 789 | Đinh Thị Tuyết Sương | Sương | 02/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 790 | Lê Thị Mai Sương | Sương | 27/01/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 791 | Nguyễn Công Sỹ | Sỹ | 08/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 792 | Nguyễn Xuân Sỹ | Sỹ | 01/01/1990 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 793 | Trần Tiến Sỹ | Sỹ | 18/12/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Thiết kế đồ họa) |
| 794 | Trần Xuân Sỹ | Sỹ | 30/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 795 | Dương Thị Tài | Tài | 03/04/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 796 | Huỳnh Tấn Tài | Tài | 27/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 797 | Lâm Thành Tài | Tài | 05/03/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 798 | Lê Hữu Tài | Tài | 23/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 799 | Lê Văn Tài | Tài | 13/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 800 | Nguyễn Anh Thiên Tài | Tài | 02/10/2002 | Nam | DƯỢC |
| 801 | Dương Thị Thanh Tâm | Tâm | 15/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 802 | Lê Văn Tâm | Tâm | 16/10/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Lập trình máy tính) |
| 803 | Nguyễn Thanh Tâm | Tâm | 26/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 804 | Nguyễn Thị Tâm | Tâm | 14/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 805 | Trần Mỹ Tâm | Tâm | 10/09/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 806 | Trần Nhật Tâm | Tâm | 27/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 807 | Trần Phạm Minh Tâm | Tâm | 04/12/2003 | Nam | DƯỢC |
| 808 | Lê Văn Tân | Tân | 06/04/2004 | Nam | DƯỢC |
| 809 | Nguyễn Nho Tân | Tân | 14/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 810 | Nguyễn Thanh Tân | Tân | 07/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 811 | Nguyễn Thanh Tân | Tân | 07/07/2005 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 812 | Nguyễn Văn Mạnh Tân | Tân | 05/06/2001 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 813 | Nguyễn Hữu Tấn | Tấn | 04/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 814 | Đào Huỳnh Thanh Thái | Thái | 10/04/2001 | Nữ | DƯỢC |
| 815 | Phạm Hoàng Thái | Thái | 21/04/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 816 | Nguyễn Văn Thậm | Thậm | 30/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 817 | Huỳnh Hữu Thân | Thân | 17/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 818 | Ngô Lệ Thân | Thân | 02/11/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 819 | Nguyễn Viết Thân | Thân | 26/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 820 | Bùi Tá Thắng | Thắng | 15/08/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 821 | Châu Đức Thắng | Thắng | 16/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 822 | Đỗ Văn Thắng | Thắng | 10/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 823 | Kiều Quang Thắng | Thắng | 06/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 824 | Lê Minh Thắng | Thắng | 14/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 825 | Nguyễn Trường Thắng | Thắng | 07/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 826 | Phạm Đức Thắng | Thắng | 11/02/1998 | Nam | DƯỢC |
| 827 | Trần Văn Thắng | Thắng | 04/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 828 | Trần Việt Thắng | Thắng | 06/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 829 | Lê Ngọc Thanh | Thanh | 11/01/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 830 | Trịnh Thị Bảo Thanh | Thanh | 11/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 831 | Đoàn Sỷ Thành | Thành | 21/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 832 | Hà Văn Thành | Thành | 27/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 833 | Lê Tấn Thành | Thành | 23/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 834 | Lê Thế Thành | Thành | 05/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 835 | Nguyễn Văn Thành | Thành | 09/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 836 | Phan Hữu Thành | Thành | 23/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 837 | Phan Trường Thành | Thành | 24/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 838 | Trần Viết Thành | Thành | 06/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 839 | Bùi Thị Thu Thảo | Thảo | 04/09/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 840 | Đậu Thị Phương Thảo | Thảo | 22/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 841 | Hồ Xuân Thảo | Thảo | 02/04/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 842 | Hoàng Thị Thu Thảo | Thảo | 16/02/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 843 | Huỳnh Vy Thảo | Thảo | 30/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 844 | La Thị Phương Thảo | Thảo | 14/11/1997 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 845 | Lê Hữu Thảo | Thảo | 14/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 846 | Lê Nguyễn Minh Thảo | Thảo | 03/06/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 847 | Lê Thị Thanh Thảo | Thảo | 16/01/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 848 | Nguyễn Nguyên Thảo | Thảo | 15/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 849 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thảo | 04/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 850 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thảo | 27/06/2004 | Nam | KẾ TOÁN |
| 851 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thảo | 02/09/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 852 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thảo | 15/05/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 853 | Nguyễn Thị Thảo | Thảo | 01/03/2002 | Nữ | DƯỢC |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 854 | Nguyễn Thị Thảo | Thảo | 28/02/2004 | Nam | DƯỢC |
| 855 | Nguyễn Vy Thảo | Thảo | 02/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 856 | Phạm Thị Thu Thảo | Thảo | 05/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 857 | Trần Nguyễn Thanh Thảo | Thảo | 11/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 858 | Trần Thị Phương Thảo | Thảo | 03/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 859 | Vũ Thị Thảo | Thảo | 14/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 860 | Rơ Châm Thaoh | Thaoh | 30/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 861 | Phan Văn Thế | Thế | 25/07/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 862 | Phạm Thị Thi | Thi | 16/01/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 863 | Võ Thị Bích Thi | Thi | 20/07/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 864 | Lê Hoàng Thiên | Thiên | 25/12/2000 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 865 | Nguyễn Phước Thiên | Thiên | 15/08/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 866 | Phan Thanh Thiên | Thiên | 25/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 867 | Đặng Ngọc Thiện | Thiện | 03/11/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 868 | Đào Viết Thiện | Thiện | 01/06/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 869 | Lê Văn Thiện | Thiện | 23/11/2002 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 870 | Vũ Ngọc Thiện | Thiện | 30/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 871 | Nguyễn Bá Thịnh | Thịnh | 21/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 872 | Nguyễn Lê Hưng Thịnh | Thịnh | 07/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 873 | Nguyễn Ngọc Thịnh | Thịnh | 15/02/2003 | Nam | DƯỢC |
| 874 | Nguyễn Văn Quốc Thịnh | Thịnh | 14/08/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 875 | Phạm Văn Thịnh | Thịnh | 07/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 876 | Trần Đức Thịnh | Thịnh | 27/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 877 | Y Thịnh | Thịnh | 15/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 878 | Hồ Văn Thọ | Thọ | 06/05/1996 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 879 | Trần Thị Kim Thoa | Thoa | 18/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 880 | Lê Văn Thoại | Thoại | 03/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 881 | Lê Văn Thoại | Thoại | 03/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 882 | H' Thoăn | Thoăn | 05/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 883 | Hoàng Đình Thống | Thống | 02/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 884 | Huỳnh Kim Minh Thư | Thư | 21/08/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 885 | Nguyễn Chánh Anh Thư | Thư | 14/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 886 | Phan Nguyễn Anh Thư | Thư | | Nữ | TIẾNG ANH |
| 887 | Trần Lê Anh Thư | Thư | 24/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 888 | Trần Thị Thư | Thư | 30/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 889 | Nguyễn Minh Thuận | Thuận | 25/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 890 | Trần Văn Thuận | Thuận | 18/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 891 | Nguyễn Huy Thức | Thức | 22/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 892 | Nguyễn Thị Thu Thương | Thương | 29/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 893 | Phan Huỳnh Thị Thương | Thương | 05/10/2001 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 894 | Võ Thị Út Thương | Thương | 05/01/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 895 | Y Ngọc Thủy Thương | Thương | 05/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 896 | Ngô Thị Mỹ Thuý | Thuý | 15/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 897 | Lê Hồng Thuỷ | Thuỷ | 02/02/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 898 | Hồ Huỳnh Diệu Thúy | Thúy | 08/05/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 899 | Nguyễn Thị Ngọc Thúy | Thúy | 29/11/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 900 | Phạm Thanh Thúy | Thúy | 21/09/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 901 | Phan Thị Thúy | Thúy | 10/04/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 902 | Bùi Hạnh Thùy | Thùy | 22/10/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 903 | Bùi Hạnh Thùy | Thùy | 22/10/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 904 | Phan Thị Thanh Thùy | Thùy | 01/11/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 905 | Cao Thị Thu Thủy | Thủy | 28/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 906 | Đinh Xuân Thủy | Thủy | 05/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 907 | Hồ Thanh Thủy | Thủy | 12/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 908 | Nguyễn Hương Thủy | Thủy | 22/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 909 | Nguyễn Thanh Thủy | Thủy | 27/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 910 | Nguyễn Thị Bách Thủy | Thủy | 06/05/2002 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 911 | Nguyễn Thị Lệ Thủy | Thủy | 24/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 912 | Nguyễn Thị Thu Thủy | Thủy | 01/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 913 | Tạ Thu Thủy | Thủy | 23/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 914 | Võ Thị Thủy | Thủy | 24/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 915 | Nguyễn Thị Anh Thy | Thy | 08/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 916 | Nguyễn Thị Ngọc Tiên | Tiên | 22/12/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 917 | Phạm Nguyễn Ngọc Tiên | Tiên | 09/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 918 | Trần Phúc Tiên | Tiên | 01/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 919 | Trần Quỳnh Tiên | Tiên | 01/01/2004 | Nam | TIẾNG ANH |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 920 | Trần Thị Cẩm Tiên | Tiên | 10/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 921 | Trần Thị Quỳnh Tiên | Tiên | 02/05/2002 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 922 | Trần Thị Thúy Tiên | Tiên | 17/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 923 | Trần Thủy Tiên | Tiên | 19/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 924 | Võ Thị Thủy Tiên | Tiên | 05/08/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 925 | Đàm Phạm Tiến | Tiến | 28/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 926 | Dương Đình Tiến | Tiến | 13/08/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 927 | Hoàng Tiến | Tiến | 28/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 928 | Kpă Tiến | Tiến | 10/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 929 | Nguyễn Văn Tiến | Tiến | 26/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 930 | Phạm Quốc Tiến | Tiến | 05/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 931 | Phan Ngọc Tiến | Tiến | 24/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 932 | Đỗ Thị Kim Tiền | Tiền | 15/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 933 | Dương Thị Kim Tiền | Tiền | 01/04/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 934 | Hồ Đức Tính | Tính | 30/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 935 | Đặng Hữu Tình | Tình | 28/10/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 936 | R'cơm H' Tố | Tố | 27/12/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 937 | Bùi Thanh Toàn | Toàn | 21/11/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 938 | Hồ Quốc Toàn | Toàn | 21/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 939 | Hoàng Văn Toàn | Toàn | 02/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 940 | Lương Xuân Toàn | Toàn | 30/04/2001 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 941 | Nguyễn Văn Toàn | Toàn | 23/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 942 | Nguyễn Văn Toàn | Toàn | 14/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 943 | Nguyễn Xuân Toàn | Toàn | 10/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 944 | Võ Đức Toàn | Toàn | 03/10/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 945 | Đinh Thị Ngọc Tới | Tới | 06/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 946 | Trần Thanh Trà | Trà | 27/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 947 | Dương Hoài Bão Trâm | Trâm | 06/02/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 948 | Hồ Thị Ngọc Trâm | Trâm | 19/03/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 949 | Ngô Hoàng Thùy Trâm | Trâm | 23/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 950 | Nguyễn Ngọc Bích Trâm | Trâm | 30/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 951 | Nguyễn Phùng Phương Trân | Trâm | 19/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 952 | Nguyễn Thị Diệu Trâm | Trâm | 04/09/2002 | | DƯỢC |
| 953 | Nguyễn Thị Tuyết Trâm | Trâm | 05/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 954 | Nguyễn Trương Thùy Trâm | Trâm | 09/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 955 | Tô Ngọc Trâm | Trâm | 24/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 956 | Lê Trân | Trân | 30/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 957 | Bùi Chế Thanh Trang | Trang | 01/05/2004 | Nam | DƯỢC |
| 958 | Bùi Thị Thu Trang | Trang | 13/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 959 | Đinh Thị Quỳnh Trang | Trang | 29/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 960 | Dương Vũ Thu Trang | Trang | 20/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 961 | Lê Nguyễn Ngọc Trang | Trang | 20/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 962 | Lê Thị Hoài Trang | Trang | 01/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 963 | Lê Thị Thùy Trang | Trang | 12/01/2004 | Nữ | TIẾNG NHẬT |
| 964 | Lê Thị Thùy Trang | Trang | | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 965 | Nguyễn Lâm Thu Trang | Trang | 15/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 966 | Nguyễn Phương Trang | Trang | 28/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 967 | Phan Vũ Huyền Trang | Trang | 07/04/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 968 | Lê Minh Trí | Trí | 10/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 969 | Nguyễn Anh Trí | Trí | 08/10/1998 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 970 | Nguyễn Bảo Trí | Trí | 24/07/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 971 | Nguyễn Gia Trí | Trí | 11/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 972 | Nguyễn Tấn Trí | Trí | 01/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 973 | Phạm Minh Trí | Trí | 07/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 974 | Phạm Minh Trí | Trí | 06/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 975 | Phạm Nguyễn Lương Trí | Trí | 26/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 976 | Trần Chính Trị | Trị | 01/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 977 | Nguyễn Minh Triết | Triết | 14/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 978 | Phan Thanh Triều | Triều | 25/08/2003 | Nam | DƯỢC |
| 979 | Đoàn Thị Loan Trinh | Trinh | 26/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 980 | Lê Thị Tú Trinh | Trinh | 09/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 981 | Nguyễn Thị Trinh | Trinh | 01/02/1999 | Nữ | DƯỢC |
| 982 | Nguyễn Thị Trinh | Trinh | 19/10/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 983 | Nguyễn Tuyết Trinh | Trinh | 10/11/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 984 | Phạm Nguyễn Thị Trinh | Trinh | 08/03/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 985 | Phan Hoài Trinh | Trinh | 01/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 986 | Võ Thị Hoài Trinh | Trinh | 26/05/2001 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 987 | Hồ Văn Trọng | Trọng | 20/10/2004 | Nam | TIẾNG ANH |
| 988 | Hoàng Quốc Trọng | Trọng | 21/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 989 | Lê Đức Trọng | Trọng | 26/05/2004 | Nam | DƯỢC |
| 990 | Nguyễn Thanh Trọng | Trọng | 23/02/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 991 | Huỳnh Phạm Thủy Trúc | Trúc | 13/01/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 992 | Nguyễn Thị Xuân Trúc | Trúc | 08/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 993 | Phạm Thị Thanh Trúc | Trúc | 20/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 994 | Doãn Xuân Trung | Trung | 09/01/2004 | Nam | TIẾNG NHẬT |
| 995 | Huỳnh Đức Trung | Trung | 13/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 996 | Lê Bảo Trung | Trung | 12/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 997 | Nguyễn Hữu Trung | Trung | 21/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 998 | Nguyễn Quang Trung | Trung | 02/02/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 999 | Nguyễn Thành Trung | Trung | 16/10/1999 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1000 | Phan Duy Trung | Trung | 09/01/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1001 | Trần Đình Trung | Trung | 15/09/2000 | Nam | DƯỢC |
| 1002 | Trần Đức Trung | Trung | 19/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1003 | Võ Tấn Trung | Trung | 09/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1004 | Cao Đan Trường | Trường | 10/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Thiết kế đồ họa) |
| 1005 | Đàm Quang Trường | Trường | 05/10/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1006 | Đặng Ngọc Quang Trường | Trường | 26/02/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1007 | Đặng Văn Trường | Trường | 23/11/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1008 | Lê Thị Trường | Trường | 01/01/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 1009 | Nguyễn Nhật Trường | Trường | 27/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1010 | Trần Văn Trường | Trường | 30/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1011 | Vũ Minh Truyền | Truyền | 01/10/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1012 | Bùi Ngọc Tú | Tú | 20/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1013 | Lê Thị Thanh Tú | Tú | 06/03/2004 | Nam | KẾ TOÁN |
| 1014 | Lưu Văn Tú | Tú | 26/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1015 | Nguyễn Thị Cẩm Tú | Tú | 07/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1016 | Trương Thị Tú | Tú | 24/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1017 | Võ Văn Tú | Tú | 01/08/2004 | Nam | DƯỢC |
| 1018 | Vũ Minh Tú | Tú | 03/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1019 | Rơ Châm Tư | Tư | 05/04/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1020 | Nguyễn Phạm Tuân | Tuân | 20/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1021 | Nguyễn Văn Tuân | Tuân | 12/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1022 | Đặng Hải Tuấn | Tuấn | 03/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1023 | Doãn Anh Tuấn | Tuấn | 26/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1024 | Hà Anh Tuấn | Tuấn | 26/02/2004 | Nam | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 1025 | Hoàng Anh Tuấn | Tuấn | 18/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1026 | Huỳnh Quốc Tuấn | Tuấn | 25/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1027 | Kiều Anh Tuấn | Tuấn | 25/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1028 | Nguyễn Thanh Tuấn | Tuấn | 02/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1029 | Phạm Quốc Tuấn | Tuấn | 01/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1030 | Phạm Văn Tuấn | Tuấn | 09/03/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1031 | Thái Anh Tuấn | Tuấn | 22/11/2001 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1032 | Trần Quốc Tuấn | Tuấn | 16/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1033 | Trần Văn Tuấn | Tuấn | 10/04/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 1034 | Đỗ Thanh Tùng | Tùng | 28/09/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1035 | Đỗ Tiến Tùng | Tùng | 22/05/2004 | Nam | KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ |
| 1036 | Dương Thanh Tùng | Tùng | 06/03/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1037 | Hoàng Đại Duẫn Tùng | Tùng | 25/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1038 | Lê Thanh Tùng | Tùng | 14/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1039 | Nguyễn Đình Tùng | Tùng | 19/05/2003 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1040 | Nguyễn Thái Tùng | Tùng | 02/11/2004 | Nam | DƯỢC |
| 1041 | Nguyễn Thanh Tùng | Tùng | 28/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1042 | Nguyễn Thanh Tùng | Tùng | 11/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1043 | Nguyễn Thanh Tùng | Tùng | 11/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1044 | Phan Anh Tùng | Tùng | 11/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1045 | Trần Thanh Tùng | Tùng | 01/01/2001 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1046 | Nguyễn Thanh Tuyền | Tuyền | | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1047 | Phạm Minh Tuyền | Tuyền | 27/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1048 | Phan Thị Thanh Tuyền | Tuyền | 25/04/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 1049 | Phan Thị Thanh Tuyền | Tuyền | 25/06/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 1050 | Ksor Bạch Tuyết | Tuyết | 29/02/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1051 | Nguyễn Ánh Tuyết | Tuyết | 02/06/2004 | Nữ | DƯỢC |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 1052 | Trương Thị Ánh Tuyết | Tuyết | 23/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1053 | Trương Thị Tuyết | Tuyết | 18/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1054 | Đỗ Nhật Mỹ Uyên | Uyên | 13/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1055 | Huỳnh Phương Uyên | Uyên | 22/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1056 | Lê Trần Khánh Uyên | Uyên | 11/09/2003 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1057 | Ngô Phạm Phương Uyên | Uyên | 30/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1058 | Phạm Thu Uyên | Uyên | 06/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1059 | Trần Lê Phương Uyên | Uyên | 11/02/2001 | Nữ | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 1060 | Trần Thị Thu Uyên | Uyên | 27/10/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1061 | Võ Nguyễn Như Uyên | Uyên | 06/11/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1062 | Nguyễn Thị Vân | Vân | 16/04/1999 | Nữ | DƯỢC |
| 1063 | Phạm Thị Thảo Vân | Vân | 12/04/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1064 | Trần Thị Thuý Vân | Vân | 04/07/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1065 | Vân | Vân | | Nữ | DƯỢC |
| 1066 | Lê Anh Văn | Văn | 27/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1067 | Ngô Thị Tường Vi | Vi | 18/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1068 | Nguyễn Thị Tường Vi | Vi | 15/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1069 | Phạm Thị Thảo Vi | Vi | 27/02/2002 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1070 | Tôn Nữ Tường Vi | Vi | 26/12/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1071 | Trần Nhật Vi | Vi | 30/09/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Lập trình máy tính) |
| 1072 | Ngô Gia Vĩ | Vĩ | 09/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1073 | Phạm Đình Vĩ | Vĩ | 26/06/2003 | Nam | LUẬT (DỊCH VỤ PHÁP LÝ) |
| 1074 | Nguyễn Đăng Vị | Vị | 07/09/2002 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1075 | Đặng Trúc Viên | Viên | 04/09/2004 | Nữ | TIẾNG NHẬT |
| 1076 | Nguyễn Lâm Viên | Viên | 09/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1077 | Huỳnh Quốc Việt | Việt | 01/08/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 1078 | Lê Hữu Việt | Việt | 09/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1079 | Phạm Hoàng Việt | Việt | 20/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1080 | Võ Lê Nhật Việt | Việt | 03/10/2002 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1081 | Võ Quốc Việt | Việt | 25/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1082 | Nguyễn Thanh Vinh | Vinh | 26/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1083 | Phan Công Vinh | Vinh | 11/10/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1084 | Phùng Vinh | Vinh | 03/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1085 | Trương Quang Vinh | Vinh | 12/03/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1086 | Ngô An Vĩnh | Vĩnh | 16/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1087 | Đào Khánh Vũ | Vũ | 01/06/1998 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1088 | Dương Tuấn Anh Vũ | Vũ | 05/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1089 | Hồ Ngọc Vũ | Vũ | 16/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1090 | Hoàng Đức Vũ | Vũ | 07/09/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1091 | Hoàng Thành Thiên Vũ | Vũ | 12/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1092 | Huỳnh Tấn Vũ | Vũ | 19/06/2002 | Nam | DƯỢC |
| 1093 | Huỳnh Văn Vũ | Vũ | 24/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1094 | Lê Hoàng Vũ | Vũ | 19/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1095 | Lê Tôn Hoàng Vũ | Vũ | 07/10/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1096 | Nguyễn Anh Vũ | Vũ | 22/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1097 | Nguyễn Đình Vũ | Vũ | 06/07/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1098 | Nguyễn Thái Vũ | Vũ | 31/07/2004 | Nam | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1099 | Nguyễn Thị Xuân Vũ | Vũ | 16/06/1991 | Nữ | DƯỢC |
| 1100 | Nguyễn Văn Vũ | Vũ | 25/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1101 | Nguyễn Văn Vũ | Vũ | 08/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1102 | Phạm Văn Vũ | Vũ | 26/05/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1103 | Tô Đông Vũ | Vũ | 18/11/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1104 | Trương Đức Lê Hoàng Vũ | Vũ | 10/04/2004 | Nam | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1105 | Võ Hoàng Vũ | Vũ | 24/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1106 | Nguyễn Thanh Vương | Vương | 26/02/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1107 | Thị Vương | Vương | 04/08/2002 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1108 | Bùi Phạm Tường Vy | Vy | 01/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1109 | Đào Ngọc Tường Vy | Vy | 07/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1110 | Đoàn Thúy Vy | Vy | 13/07/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 1111 | Hoàng Nguyễn Tường Vy | Vy | 28/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1112 | Hoàng Thảo Vy | Vy | 15/11/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 1113 | Huỳnh Thị Mộng Vy | Vy | 27/06/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1114 | Huỳnh Thị Tiểu Vy | Vy | 01/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1115 | Huỳnh Thị Vy | Vy | 12/11/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1116 | Lê Mai Yến Vy | Vy | 12/05/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1117 | Lê Thị Trúc Vy | Vy | 30/04/2004 | Nữ | KẾ TOÁN |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 1118 | Lê Thị Tường Vy | Vy | 30/10/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1119 | Ngô Đặng Tường Vy | Vy | 12/10/2003 | Nữ | KẾ TOÁN |
| 1120 | Nguyễn Hoàng Ý Vy | Vy | 15/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1121 | Nguyễn Ngọc Yến Vy | Vy | 14/08/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 1122 | Nguyễn Thị Thảo Vy | Vy | 06/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1123 | Nguyễn Thị Thùy Vy | Vy | 07/05/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1124 | Nguyễn Thị Tường Vy | Vy | 10/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1125 | Nguyễn Thị Tường Vy | Vy | 17/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1126 | Nguyễn Tường Nhật Vy | Vy | 20/03/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1127 | Phan Phạm Nhật Vy | Vy | 10/02/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 1128 | Tống Thị Tường Vy | Vy | 29/06/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1129 | Tống Thị Tường Vy | Vy | 26/09/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1130 | Trần Hoàng Ái Vy | Vy | 05/08/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 1131 | Trần Hoàng Ái Vy | Vy | 05/08/2002 | Nữ | DƯỢC |
| 1132 | Trần Thị Hạ Vy | Vy | 19/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1133 | Trương Thị Kiều Vy | Vy | 21/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1134 | Trần Cảnh Vỹ | Vỹ | 03/06/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1135 | Ngô Xanh | Xanh | 19/12/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1136 | Nguyễn Khánh Xuân | Xuân | 06/11/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1137 | Nguyễn Thị Thanh Xuân | Xuân | 19/01/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 1138 | Phạm Thị Thanh Xuân | Xuân | 24/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1139 | Trần Thị Thu Xuân | Xuân | 19/06/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1140 | Xuăy | Xuăy | 16/12/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1141 | Đoàn Thị Như Ý | Ý | 06/06/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1142 | Lê Thị Hoàng Ý | Ý | 18/06/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1143 | Lê Thị Như Ý | Ý | 21/05/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1144 | Lê Thị Như Ý | Ý | 21/05/2004 | Nữ | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1145 | Lê Văn Ý | Ý | 08/08/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ |
| 1146 | Nguyễn Đức Như Ý | Ý | 26/04/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1147 | Phạm Thị Như Ý | Ý | 11/02/2003 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1148 | Rơmah Ý | Ý | 10/08/2004 | Nữ | ĐIỀU DƯỠNG |
| 1149 | Trần Như Ý | Ý | 13/07/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ KINH DOANH |
| 1150 | Ung Duy Ý | Ý | 01/01/2004 | Nam | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| 1151 | Võ Thị Như Ý | Ý | 22/12/2004 | Nữ | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG |
| 1152 | Nguyễn Thị Oánh Yên | Yên | 29/01/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1153 | Đàm Hải Yến | Yến | 29/08/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1154 | Huỳnh Mai Nguyễn Yến | Yến | 16/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 1155 | Lê Thị Hải Yến | Yến | 13/09/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1156 | Ngô Thị Ngọc Yến | Yến | 14/10/2004 | Nữ | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH |
| 1157 | Nguyễn Phương Nhã Yến | Yến | 20/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1158 | Nguyễn Thị Mỹ Yến | Yến | 11/11/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1159 | Nguyễn Thị Yến | Yến | 02/07/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1160 | Phan Thị Ngọc Yến | Yến | 03/10/2003 | Nữ | DƯỢC |
| 1161 | Ksor H Yoang | Yoang | 25/03/2004 | Nữ | DƯỢC |
| 1162 | H Sara Ayun | Ayun | 26/12/2004 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1163 | Nguyễn Chí Công | Công | 24/02/2001 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1164 | Ngô Hữu Đạt | Đạt | 18/08/2000 | Nam | SĨ ĐA KHOA |
| 1165 | Hồ Anh Đức | Đức | 06/01/2003 | Nam | SĨ ĐA KHOA |
| 1166 | Nguyễn Thị Ngân Giang | Giang | 28/01/2002 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1167 | Võ Thị Thúy Hồng | Hồng | 15/07/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1168 | Sô Thị Minh Huyền | Huyền | 06/09/2004 | Nữ | SĨ ĐA KHOA |
| 1169 | Phan Đình Khôi | Khôi | 18/12/2004 | Nam | SĨ ĐA KHOA |
| 1170 | Nguyễn Quang Khổng | Khổng | 13/03/2004 | Nam | SĨ ĐA KHOA |
| 1171 | Mai Đức Lộc | Lộc | 13/08/2004 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1172 | Lê Thị Lệ My | My | 31/03/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1173 | Phạm Thị Hoài Ngọc | Ngọc | 07/03/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1174 | Đỗ Thị Thảo Nguyên | Nguyên | 09/03/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1175 | Lê Nguyễn Thảo Nguyên | Nguyên | 16/05/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1176 | Huỳnh Thị Yến Nhi | Nhi | 28/09/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1177 | Nguyễn Thị Nhi | Nhi | 20/12/2002 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1178 | Đào Trọng Nhiên | Nhiên | 08/07/2004 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1179 | Trương Văn Tín Nhuận | Nhuận | 05/08/2004 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1180 | Lưu Thanh Phong | Phong | 21/09/2004 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1181 | Trần Thăng | Thăng | 20/02/1997 | Nam | SĨ ĐA KHOA |
| 1182 | Trần Quang Thoại | Thoại | 10/05/2001 | Nam | SĨ ĐA KHOA |

| STT | Họ Tên | | Ngày sinh | Giới tính | Ngành đăng ký xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|
| 1183 | Bùi Thanh Trúc | Trúc | 27/01/2001 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1184 | Rơ Châm Tư | Tư | 05/04/2004 | Nam | Y SĨ ĐA KHOA |
| 1185 | Nguyễn Minh Tuấn | Tuấn | 02/09/2004 | Nam | SĨ ĐA KHOA |
| 1186 | Rơmah Ý | Ý | 10/08/2004 | Nữ | Y SĨ ĐA KHOA |

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Tp. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đăk Nông |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thừa Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Kom Tum |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Khánh Hòa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| ẲNG HỆ CHÍN | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia lai |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Phú Thọ |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Long An |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thanh Hóa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | TP Hồ Chí Minh |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | |
| CAO ĐẲNG | Đà Đẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Ninh Thuận |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thừa Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đồng Tháp |
| ẲNG HỆ CHÍN | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thừa Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| ẲNG HỆ CHÍN | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Cà Mau |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thanh Hóa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quản Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Tp. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Khánh Hòa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Thanh Hóa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia lai |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | tinh Bình Định |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Phước |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| ẲNG HỆ CHÍN | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk lắk |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Thừa Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Tp Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Kom Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Khánh Hòa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đăk Lăk |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| ẲNG HỆ CHÍN | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Hà Tĩnh |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Đắk Lắk |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng trị |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Bình |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đắk Nông |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Nghệ An |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP. Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Thanh Hoá |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Khánh Hòa |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| ẲNG HỆ CHÍN | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Trị |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Quảng Ngãi |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Bình Định |
| CAO ĐẲNG | Kon Tum |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | Thiên Huế |
| CAO ĐẲNG | TP Đà Nẵng |
| CAO ĐẲNG | Quảng Nam |
| CAO ĐẲNG | Phú Yên |
| CAO ĐẲNG | Gia Lai |

| | |
|---|---|
| TCCN | Đắk Lắk |
| TCCN | Quảng Nam |
| TCCN | Quảng Ngãi |
| TCCN | Quảng Bình |
| TCCN | Quảng Nam |
| TCCN | Quảng Nam |
| TCCN | Phú Yên |
| TCCN | Đà Nẵng |
| TCCN | Đà Nẵng |
| TCCN | Tp Đà Nẵng |
| TCCN | Quảng Nam |
| TCCN | Quảng Trị |
| TCCN | Quảng Nam |
| TCCN | Quảnh Bình |
| TCCN | Tp. Đà Nẵng |
| TCCN | Quảng Nam |
| TCCN | Bình Định |
| TCCN | Tp Đà Nẵng |
| TCCN | Bình Định |
| TCCN | Quảng Trị |
| TCCN | Quảng Nam |

| Bậc đào tạo | Tỉnh/TP |
|---|---|
| TCCN | TP. Đà Nẵng |
| TCCN | Gia Lai |
| TCCN | Bình Định |
| TCCN | Gia Lai |

**H NĂM 2022**